**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**

Hải Phòng, tháng 8 năm 2013

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **TRANG** |
|  |  |
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 3 |
|  |  |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
|  |  |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
|  |  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 21 |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

|  |  |
| --- | --- |
| Ông Dư Văn Hải | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Nguyễn Anh Nghĩa | Thành viên |
| Ông Phạm Văn Hùng | Thành viên |
| Ông Mai Hồng Hải | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/4/2013) |
| Ông Trần Vinh Quang | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/4/2013) |
| Ông Nguyễn Văn Hạnh | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2013) |
| Ông Hồng Anh Việt | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2013) |

**Ban Giám đốc**

|  |  |
| --- | --- |
| Ông Dư Văn Hải | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Anh Nghĩa | Phó giám đốc |
| Ông Hồng Anh Việt | Phó giám đốc |
|  |  |

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
* Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
* Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính, đồng thời tuân thủ các quy định về việc công bố thông tin theo Quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

|  |
| --- |
|  |
| **Dư Văn Hải****Giám đốc** Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2013 |

## Số. /2013/AP-BC

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:**  **Các cổ đông**

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng**

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30/6/2013 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 12/08/2013 từ trang 4 đến trang 21. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và Báo cáo soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 đã được kiểm toán và soát xét bởi một Công ty Kiểm toán khác. Trên báo cáo kiểm toán số 3140/2013/BCKT-IFC ngày 18/3/2013 và Báo cáo soát xét số 2968/2012/BCSX - IFC ngày 10/8/2012 kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **Vũ Bình Minh**  **Giám đốc**  Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0034-2013-148-1  ***Thay mặt và đại diện cho***  **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**  *Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013* |  | **Đoàn Thu Hằng**  **Kiểm toán viên**  Số giấy CNĐKHN kiểm toán 1396-2013-148-1 |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013*

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

****

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013*

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VND



*Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2013*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kế toán trưởng** |  | **Giám đốc** | | **Hoàng Kim Yến** |  | **Dư Văn Hải** | |
|  |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013*

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

****

*Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2013*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kế toán trưởng** |  | **Giám đốc** |
| **Hoàng Kim Yến** |  | **Dư Văn Hải** |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**(Phương pháp gián tiếp)**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013*

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

****

*Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2013*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kế toán trưởng** |  | **Giám đốc** |
| **Hoàng Kim Yến** |  | **Dư Văn Hải** |

1. **THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Hải Phòng (“Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Quyết định số 1222/QĐ-BXD ngày 29 tháng 07 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển đổi Xí nghiệp Bao bì Xi măng thuộc Công ty Xi măng Hải Phòng - Tổng Công ty Xi măng Việt Nam thành công ty cổ phần. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0203001018 ngày 21 tháng 09 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 theo mã số doanh nghiệp là 0200600741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 04 năm 2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 19 tháng 04 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 30.120.400.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BXH.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 3 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 số 0200600741 ngày 19 tháng 04 năm 2011, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh bao bì các loại; kinh doanh nguyên vật liệu sản xuất bao bì; cho thuê văn phòng, kho, bãi.

1. **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được lập theo các quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam về lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, phục vụ cho việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.

1. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có). Đối tượng được trích lập dự phòng bao gồm các khách hàng có số dư nợ quá hạn theo hợp đồng hoặc mất khả năng thanh toán, không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới, phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định được Công ty đang áp dụng. Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Năm** |
|  |  |  |  |
| Nhà xưởng, vật kiến trúc |  |  | 05 - 27 |
| Máy móc, thiết bị |  |  | 06 - 14 |
| Phương tiện vận tải |  |  | 05 - 11 |
| Thiết bị văn phòng |  |  | 03 - 05 |
| Phần mềm quản lý |  |  | 05 |

**Quỹ tiền lương**

Quỹ lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở đơn giá tiền lương do Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (cổ đông chi phối) thỏa thuận hàng năm. Công ty đang tạm trích Quỹ tiền lương 6 tháng đầu năm 2013 theo đơn giá cao hơn đơn giá tiền lương năm 2012 đã được phê duyệt bởi Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Quỹ tiền lương của Công ty sẽ được điều chỉnh lại và xác định chính thức khi có thỏa thuận đơn giá tiền lương năm 2013 của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, Công ty đang nộp thuế TNDN theo thuế suất 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

1. **Tiền**

****

1. **Hàng tồn kho**

****

1. **Vay và nợ ngắn hạn**

****

(i): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hồng Bàng theo các hợp đồng tín dụng sau:

* Hợp đồng tín dụng số 01/HM/2012 ngày 21/4/2012 với hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức cho vay trong vòng 12 tháng kể từ ngày 21/4/2012. Thời hạn cho vay cụ thể của từng lần giải ngân sẽ được xác định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay thả nổi, định kỳ 1 tháng xác định 1 lần. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên đất tại số 3 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng và toàn bộ máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất vỏ bao công suất 25 triệu vỏ bao/năm. Giá trị tài sản đảm bảo tại thời điểm ký hợp đồng này là 18.772 triệu đồng.
* Hợp đồng tín dụng số 01/HM/2013 ngày 30/5/2013 với hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức cho vay trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30/5/2013. Thời hạn cho vay cụ thể của từng lần giải ngân sẽ được xác định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 7 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay thả nổi, định kỳ 1 tháng xác định 1 lần. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên đất rộng 45.074 m2 tại số 3 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng và toàn bộ máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất vỏ bao công suất 25 triệu vỏ bao/năm. Giá trị tài sản đảm bảo tại thời điểm ký hợp đồng này là 16.955 triệu đồng.

1. **Vay dài hạn**

****

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng theo Hợp đồng tín dụng số 01/HCPC-TH/2010 ngày 01/04/2010 với số tiền cho vay tối đa là 10 tỷ đồng nhằm mục đích để *"Đầu tư xây dựng công trình, dây chuyền mở rộng nhà máy sản xuất bao bì xi măng Hải Phòng công suất 25 triệu vỏ bao/năm"* tại số 3 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng. Thời hạn cho vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời hạn ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay thỏa thuận theo lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần. Khoản vay trên được thế chấp bằng toàn bộ vật kiến trúc trên đất hiện có, vật kiến trúc trên đất và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án *"Đầu tư xây dựng công trình, dây chuyền mở rộng nhà máy sản xuất bao bì xi măng hải phòng công suất 25 triệu vỏ bao/năm"* tại số 3 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá tài sản thế chất ngày 16/3/2010 đã ký giữa 2 bên là 27.469.199.000 đồng.

**Các khoản vay được trả theo lịch biểu như sau:**

****

1. **Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

****

1. **Các khoản phải trả, phải nộp khác**

****

1. **Tài sản cố định hữu hình**



Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/06/2013 là: 52.662.904.554 đồng. Tài sản cố định của Công ty đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng (xem Thuyết minh số 6 và số 7).

1. **Vốn chủ sở hữu**

****

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm số 02/HPVC – ĐHĐCĐ ngày 25/04/2013 đã thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ 300.937.702 đồng, trích lập quỹ đầu tư phát triển: 1.161.198.678 đồng, trích quỹ dự phòng tài chính: 601.875.403 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 902.813.105 đồng, chi trả cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 8%/năm, tương ứng với số tiền là: 2.409.632.000 đồng. Đến thời điểm 30/6/2013, Công ty đã thanh toán 2.398.688.000 đồng tiền cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

****

**Cổ phiếu**

****

1. **Doanh thu thuần về bán hàng**

****

1. **Giá vốn hàng bán**

****

1. **Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

****

1. **Chi phí bán hàng**

****

1. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**



1. **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

****

1. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

****

1. **Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**Trong kỳ Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

****

**Số dư với các bên liên quan:**

****

1. **Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, số 7 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

****

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2013.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2013 là 385.926.250 đồng (tại ngày 01/01/2013 là 385.926.250 đồng).

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



1. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 30/06/2013 cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

1. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế.

*Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2013*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kế toán trưởng** |  | **Giám đốc** |
| **Hoàng Kim Yến** |  | **Dư Văn Hải** |